

Số: 17/2007/CT-UBND

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2007

CHỈ THỊ

**V/v triển khai, thực hiện các chính sách của Nhà nước trong
việc quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa
trước ngày 01 tháng 7 năm 1991**

Căn cứ Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI quy định về nhà đất do nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI quy định về việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

Để tổ chức thực hiện tốt các văn bản pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở, ban ngành chức năng, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện tốt các yêu cầu và nội dung sau đây:

1. Giám đốc các sở, thủ trưởng ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn cần quán triệt đầy đủ nội dung Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI quy định về nhà đất do nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI quy định về việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị định 127/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Chính Phủ về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 và Thông tư 19/2005/TT-BXD ngày 01 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn nguồn kinh phí để thanh toán cho các trường hợp thuộc diện thanh toán theo quy định tại Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 (sau đây gọi là tắt là Nghị quyết số 23/2003/QH11, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, Nghị định 127/2005/NĐ-CP và Thông tư 19/2005/TT-BXD) cho tất cả các cán bộ, công chức có trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện các văn bản nêu trên, nhằm đảm bảo lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng của công dân và phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, khi giải quyết những vấn đề nhà đất có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, giám đốc các sở, thủ trưởng ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn phải nắm vững kiến thức pháp luật có liên quan để vận dụng một cách hợp lý, hợp tình nhằm tránh sự phản ứng tiêu cực trong nhân dân; đồng thời phải quán triệt phương châm "thận trọng, chính xác, giải quyết dứt điểm, không để khiếu kiện tồn đọng kéo dài".

3. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện, cụ thể:

a) Phối hợp cơ quan chức năng phổ biến, giáo dục, tuyên truyền thông suốt đến tất cả các đối tượng về quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH1

b) Trực tiếp nhận đơn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết đối với các trường hợp được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH11.

c) Chủ trì và phối hợp với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện tiến hành rà soát thống kê phân loại chính xác các đối tượng đủ điều kiện để áp dụng theo khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH11, lập danh sách trình Ủy ban nhân dân thành phố hoàn tất thủ tục xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng theo Điều 2 của Nghị quyết số 23/2003/QH11, khoản 2 Điều 5, Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, công việc này phải được tiến hành khẩn trương, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2009.

d) Xác lập hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành quyết định giao lại nhà ở đối với trường hợp thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, thực hiện việc giao lại nhà ở sau khi có quyết định giao lại nhà của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

đ) Chuẩn bị nguồn nhà tại các chung cư để chuẩn bị bố trí sau khi có quyết định giao lại nhà của Ủy ban nhân dân thành phố nhưng không thể giao lại chính nhà ở đó theo Điều 9 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11; trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các trường hợp thuộc diện được hỗ trợ cải thiện nhà ở do Ủy ban nhân dân quận, huyện lập danh sách gửi đến Sở Xây dựng.

e) Lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện được thanh toán, chuyển Sở Tài chính thẩm định, xác định giá trị tài sản nhà, vật kiến trúc, hoa màu, đất đai theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

g) Căn cứ Nghị định 127/2005/NĐ-CP, Thông tư 19/2005/TT-BXD, Sở Xây dựng tổ chức triển khai tập huấn, hướng dẫn biểu mẫu, trình tự thủ tục thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, cho các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị nhận lại nhà ở, nhận tiền thanh toán, xin hỗ trợ cải thiện nhà ở. Thường xuyên kiểm tra và tổ chức họp giao ban định kỳ để rút kinh nghiệm giải quyết và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét và có ý kiến chỉ đạo hướng giải quyết tiếp theo.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì và phối hợp Sở Xây dựng rà soát danh sách và hồ sơ do Sở Xây dựng cung cấp về các trường hợp đủ điều kiện được thanh toán theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11. Sau khi Sở Tài chính tính toán số tiền phải thanh toán theo cấp hạng nhà, diện tích sử dụng khi Nhà nước trưng mua cho từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, Nghị định 127/2005/NĐ-CP, Thông tư 19/2005/TT-BXD, thì chuyển hồ sơ lại cho Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

b) Chịu trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 bao gồm:

- Nguồn kinh phí thanh toán theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

- Kinh phí giải quyết hồ sơ của các cơ quan hữu quan và một số kinh phí khác liên quan đến việc giải quyết hồ sơ theo báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở số liệu tổng hợp từ Sở Xây dựng, trong trường hợp không đủ kinh phí để thanh toán.

Đối với trường hợp nhà đất do Thành phố quản lý thì Sở Tài chính phải giải trình cụ thể số kinh phí còn thiếu để Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trình Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc hỗ trợ.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

d) Hướng dẫn thủ tục, trình tự thanh toán tiền trưng mua nhà, tiền bồi thường quy định tại Điều 6, Điều 9 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11. Sáu tháng một lần, lập báo cáo cụ thể các trường hợp và số kinh phí phải thanh toán cũng như trường hợp và số kinh phí đã thanh toán trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với các trường hợp đủ điều kiện quy định tại Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ. Kiểm tra, phúc đáp và cung cấp hồ sơ, tài liệu đầy đủ và đúng thời gian theo yêu cầu của Sở Xây dựng về tình trạng hồ sơ nhà đất do Sở Tài nguyên và Môi trường đang quản lý.

6. Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát các văn bản của Nhà nước, xem văn bản nào còn phù hợp, văn bản nào không còn phù hợp kiến nghị Ủy ban thành phố sửa đổi, hủy bỏ hay bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Kiểm tra xác minh và tổng hợp danh sách gởi về Sở Xây dựng các trường hợp xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng theo chính sách quy định tại Điều 2, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 23/2003/QH11.

b) Trực tiếp nhận đơn và giải quyết theo thẩm quyền đối với các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 16 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

c) Trực tiếp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ cải thiện nhà ở và kiểm tra, xác định thực trạng về chỗ ở của từng đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 10 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, việc xác nhận phải chặt chẽ, chính xác, phải căn cứ vào nhà ở mà người đó đang sử dụng là nhà ở nhờ, thuê, mượn của người khác không phải là thành viên trong hộ gia đình; hoặc đang trực tiếp sử dụng là nhà ở thuộc sở hữu riêng của họ nhưng diện tích sử dụng bình quân trong hộ gia đình thấp hơn hoặc bằng $6m^2$ /người.

d) Chịu trách nhiệm xác minh về nguồn gốc sở hữu nhà, kiểm tra hồ sơ gốc và hiện trạng nhà đối với nhà thuộc địa phương mình quản lý, đồng thời xác định chủ sở hữu không thuộc diện phải thực hiện các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 23/2003/QH11.

đ) Xem xét giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

e) Xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng đủ điều kiện quy định tại Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11.

g) Hàng tháng, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo về Sở Xây dựng tiến độ thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 để Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

8. Ủy ban nhân dân phường, xã (thị trấn) có trách nhiệm hướng dẫn, chứng nhận đơn thư của các đối tượng có yêu cầu giải quyết chính sách được quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11; đồng thời hỗ trợ, kết hợp và cung cấp hồ sơ (nếu có) giúp các cơ quan chức năng khi đến liên hệ xác minh hồ sơ.

9. Đối với các cơ quan, đơn vị khác kể cả các cơ quan Trung ương đóng tại thành phố Cần Thơ đang sử dụng nhà thuộc diện giải quyết theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 khi được Sở Xây dựng có văn bản đề nghị xác minh cung cấp hồ sơ hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 phải có trách nhiệm trả lời và cung cấp hồ

sơ thật đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn quy định. Những trường hợp chậm trễ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Việc giải quyết khiếu nại trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 và các quy định của Luật Khiếu nại tố cáo hiện hành. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Thanh tra thành phố trong việc tham mưu, đề xuất giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực này.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể thành phố, các cơ quan báo, đài bằng nhiều hình thức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết số 23/2003/QH11, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, Nghị định 127/2005/NĐ-CP và Thông tư 19/2005/TT-BXD.

12. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau mười ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là năm ngày, kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ yêu cầu giám đốc các sở, ban ngành, thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Thanh Tòng

PHỤ LỤC 1
(Nghị quyết 23/2003/NQ11 ngày 26 tháng 11 năm 2003)

Điều 1.

Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất.

Điều 2.

Nhà nước hoàn thành thủ tục pháp lý về sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách dưới đây:

1. Cải tạo nhà đất cho thuê;
2. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh có liên quan trực tiếp đến nhà đất;
3. Quản lý nhà đất của các tổ chức, cá nhân (diện 2/IV) ở các tỉnh, thành phố phía Nam sau ngày giải phóng (30/4/1975);
4. Quản lý nhà đất vắng chủ;
5. Quản lý nhà đất trong từng thời điểm nhất định và nhà đất của các đoàn hội, tôn giáo;
6. Quản lý nhà đất của những người di tản, chuyển vùng hoặc ra nước ngoài.

PHỤ LỤC 2
(Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02 tháng 4 năm 2005)

Điều 1. Nghị quyết này quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể sau đây:

1. Nhà đất mà chủ sở hữu tuy thuộc diện thực hiện các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 23/2003/QH11) nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, cơ quan nhà nước chưa có văn bản quản lý, chưa bố trí sử dụng nhà đất đó.
2. Nhà đất mà Nhà nước đã có văn bản quản lý nhưng thực tế chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng;
3. Nhà đất mà nhà nước đã trưng mua nhưng chưa thanh toán tiền hoặc đã thanh toán một phần cho chủ sở hữu;
4. Nhà đất mà Nhà nước đã trưng dụng;
5. Diện tích nhà đất mà Nhà nước đã để lại khi thực hiện chính sách cải tạo nhà đất cho thuê và chính sách quản lý nhà đất của tổ chức, cá nhân.

Khoản 1 Điều 5:

Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng có các giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng dưới đây thì Nhà nước không tiếp tục thực hiện việc quản lý theo văn bản quản lý trước đây và người đang trực tiếp sử dụng được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật:

- a) Người là chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý;
- b) Người được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Người mua, nhận tặng cho, chuyển đổi nhà đất ngay tình;
- d) Người thừa kế hợp pháp của một trong những người quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- đ) Người được các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này ủy quyền quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật tại thời điểm ủy quyền.

Khoản 2 Điều 5:

Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng là người thuê, mượn, ở nhờ từ trước khi Nhà nước có văn bản quản lý hoặc người đang trực tiếp sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng quy định quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân. Người đang trực tiếp sử dụng được tiếp tục sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sử dụng nhà đất thuộc sở hữu toàn dân.

Điều 6. Đối với nhà đất mà Nhà nước đã trưng mua nhưng chưa thanh toán tiền hoặc đã thanh toán một phần cho chủ sở hữu thì Nhà nước thực hiện thanh toán cho chủ sở hữu hoặc người thừa kế hợp pháp của họ theo quy định sau đây:

1. Trường hợp khi trưng mua Nhà nước chưa thanh toán tiền thì Nhà nước thực hiện định giá để thanh toán. Số tiền thanh toán được xác định trên cơ sở diện tích nhà lúc trưng mua và giá nhà xây dựng mới của nhà ở cấp 2, nếu nhà trưng mua là biệt thự thì áp dụng giá xây dựng mới của biệt thự hạng 2 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tại thời điểm thanh toán.
2. Trường hợp khi trưng mua Nhà nước đã thanh toán một phần thì số tiền còn lại được tính theo phần trăm để thanh toán. Việc xác định giá để thanh toán được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Khoản 1 Điều 7:

Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải thực hiện các chính sách quy định tại Điều 2

của Nghị quyết số 23/ 2003/QH11 mà cơ quan nhà nước đã trưng dụng có thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lại nhà ở đó cho chủ sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này.

Khoản 2 Điều 7:

Nhà đất mà Nhà nước đã trưng dụng nhưng không thuộc diện được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân đối với nhà đất đó. Tổ chức, cá nhân đang sử dụng được tiếp tục sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sử dụng nhà đất thuộc sở hữu toàn dân.

Điều 8.

Đối với diện tích nhà đất được để lại không phân biệt người được để lại là ai, diện tích được để lại nhiều hay ít khi Nhà nước thực hiện quản lý theo quy định của chính sách cải tạo nhà đất cho thuê hoặc chính sách quản lý nhà đất của tổ chức, cá nhân thì Nhà nước không quản lý đối với diện tích nhà đất này. Người đang trực tiếp sử dụng được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đối với nhà ở thuộc diện được giao lại quy định tại khoản 1 Điều 7 và nhà đất thuộc diện được công nhận quyền sở hữu quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này nhưng đã được sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế, đã bị phá dỡ xây dựng lại; đã được Nhà nước bố trí cho người khác sử dụng ổn định, đã được xác lập sở hữu toàn dân; đã chuyển quyền sở hữu cho người khác hoặc nhà đất đó thuộc diện phải giải tỏa theo quy hoạch để chỉnh trang đô thị thì người thuộc diện được giao lại, người được công nhận quyền sở hữu được bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 10. Đối với những trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng nhà đất theo các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 23/ 2003/QH11 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chủ sở hữu chưa có chỗ ở hoặc có chỗ ở nhưng diện tích bình quân trong hộ gia đình thấp hơn hoặc bằng 6m²/người thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí để họ được thuê nhà ở hoặc được mua nhà ở trả góp.

Điều 16. Việc giải quyết khiếu nại trong quá trình thực hiện các quy định của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết lần đầu đối với các trường hợp khiếu nại liên quan đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong việc thực hiện các quy định của Nghị quyết này. Trường hợp đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết lần đầu đối với các trường hợp khiếu nại liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện các quy định của Nghị quyết này. Trường hợp đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Xây dựng; quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng;

3. Thời hiệu khiếu nại đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 60 ngày, kể từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết khiếu nại;

4. Thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 30 ngày, kể từ ngày cơ quan giải quyết khiếu nại nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại của đương sự; nếu hết thời hạn này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh không giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này thì đương sự có quyền khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải quyết; nếu hết thời hạn này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này thì đương sự có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Xây dựng để giải quyết.

Thời hạn khiếu nại của đương sự là 30 ngày; kể từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết

khieu nại.